

BÁO CÁO THỐNG KÊ
Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính
(Từ ngày 06/09/2024 đến ngày 12/09/2024)

STT	Tên cơ quan	Hồ sơ kỳ trước chuyển sang	Hồ sơ tiếp nhận		Tổng hồ sơ phải xử lý	Hồ sơ xin hủy		Hồ sơ đã xử lý						Hồ sơ đang xử lý
			Phát sinh trong kỳ	Lũy kế		Phát sinh trong kỳ	Lũy kế	Phát sinh trong kỳ			Lũy kế			
								Tổng số	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số	Đúng hạn	Trễ hạn	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)=(11)+(12)	(11)	(12)	(13)=(4)-(5)-(7)
1	Ban Quản lý Khu Kinh tế	1	0	30	1	0	0	0	0	0	30	30	0	1
2	Bảo hiểm Xã hội	300	587	19.927	887	0	0	496	496	0	19.938	19.938	0	391
3	Công an tỉnh	9.270	7	17.434	9.277	0	0	4	4	0	9.826	9.826	0	9.273
4	Sở Giao thông Vận tải	107	680	19.591	787	0	0	607	607	0	19.667	19.667	0	180
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	27	94	4.627	121	0	0	98	98	0	4.689	4.689	0	23
6	Công ty CP Điện nước An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Công ty Điện lực An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Sở Công Thương	7	724	31.243	731	6	105	692	692	0	31.195	31.195	0	33
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	253	36	27.014	289	1	29	31	31	0	26.766	26.764	2	257
10	Sở Khoa học và Công nghệ	2	4	67	6	0	1	1	1	0	65	65	0	5
11	Sở Lao động, Thương binh và XH	18	7	478	25	0	46	4	4	0	436	435	1	21
12	Sở Ngoại vụ	0	1	19	1	0	0	0	0	0	18	18	0	1
13	Sở Nông nghiệp và PT Nông Thôn	78	42	1.710	120	2	89	67	66	1	1.609	1.608	1	51
14	Sở Nội vụ	7	14	436	21	0	22	11	11	0	408	408	0	10
15	Sở Thông tin và Truyền thông	1	2	57	3	0	5	0	0	0	56	56	0	3
16	Sở Tài chính	0	0	17	0	0	2	0	0	0	15	15	0	0
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	36	9	680	45	0	4	9	9	0	724	716	8	36
18	Sở Tư pháp	461	306	11.935	767	1	34	322	322	0	12.005	12.004	1	444
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	14	488	23	0	31	14	14	0	457	456	1	9
20	Sở Xây dựng	88	35	1.272	123	3	218	31	31	0	1.063	1.061	2	89
21	Sở Y tế	291	58	2.218	349	2	47	86	86	0	2.246	2.225	21	261
	Tổng cộng	10.956	2.620	139.243	13.576	15	633	2.473	2.472	1	131.213	131.176	37	11.088

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Phan Thị Như Huỳnh

Nguyễn Thanh Hùng